TOÀ ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 08/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 429/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2017, giữa:

Người yêu cầu:

Anh Bùi Đức T; sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Số 5B phố D, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội;

Chị Trần Thị Thu H; sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Khu tập thể A31, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội; hiện ở tại: Tổ dân phố số 66, phường Đ 2, quận L, Thanh phố Hà Nội

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212 , Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hũa giải thành ngày 25/12/2017.

XÉT THẤY

Anh Bùi Đức T và chị Trần Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/3/2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2013, quyển số 01/2010) tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, đến nay tình cảm không còn nên anh chị cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/12/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Bùi Đức T và chị Trần Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có một con là Bùi Thanh H; sinh ngày 07/7/2014.

Sau khi ly hôn, chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Thanh H đến năm cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng tiền nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

+ Động sản: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

+ Bất động sản: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

+ Công nợ: Anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

3. Lệ phí việc hôn nhân và gia đình: anh Bùi Đức T tự nguyện chịu cả 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - theo Biên lai số 02470 ngày 21/12/2017.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

-Các đương sự;
-VKSND quận H;
-UBND ph. T, HK, HN
-Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hiền Hòa